



Danh Sách Xét Đạt Tiêu Chuẩn

Học Kỳ 2 - Năm Học 08-09

Xét tốt nghiệp (K40M)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung
Điểm Trung Bình Tích Lũy

180
2.00

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	Ph	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTS	ĐT	Số hiệu bằng PT	VB	TCTG	TBTL	CCT	CCN	Xếp loại
1	40.0001.K40A	CHU NGỌC ANH	111104111		17/09/84	Lào Cai		01			180	2.22			TB Khá
2	40.0072.K40B	DƯƠNG VĂN CẢNH	111104111		24/07/86	Bắc Giang		08			180	2.47			TB Khá
3	40.0076.K40B	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	111104111		16/06/84	Hà Nội		09			180	2.46			TB Khá
4	40.0143.K40C	NGUYỄN ĐỨC DŨNG	111104111		30/03/86	Bắc Giang		09			180	2.60			Khá
5	40.0145.K40C	PHẠM MINH DŨNG	111104111		19/05/86	Hải Dương		06			180	2.32			TB Khá
6	40.0010.K40A	LƯU VĂN DUY	111104111		28/08/86	Thái Bình		09			180	2.27			TB Khá
7	40.0078.K40B	MAI VĂN DUY	111104111		14/09/85	Bắc Ninh		09			180	2.15			Trung Bình
8	40.0148.K40C	LÊ VĂN DỰ	111104111		04/01/84	Bắc Giang		09			180	2.17			Trung Bình
9	40.0152.K40C	ĐINH ANH ĐỨC	111104111		13/10/86	Ninh Bình		09			180	2.15			Trung Bình
10	K39E301	NGUYỄN ĐĂNG ĐỨC	111104111		20/06/84	Bắc Ninh		09			180	2.05			Trung Bình
11	K38M021	NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	111104111		25/01/84	Hoà Bình		08			180	2.17			Trung Bình
12	40.0089.K40B	NGUYỄN TIẾN HÀI	111104111		23/05/85	Hà Nội		09			180	2.25			TB Khá
13	40.0018.K40A	NGUYỄN VĂN HẢI	111104111		04/10/84	Bắc Giang		09			180	2.54			Khá
14	40.0090.K40B	HÀ CÔNG HÀO	111104111		08/09/86	Hà Nội		09			180	2.35			TB Khá
15	40.0021.K40A	ĐỖ DUY HIỂN	111104111		27/08/85	Thái Nguyên		11			180	2.18			Trung Bình
16	40.0092.K40B	VŨ VĂN HIỂN	111104111		29/05/85	Nam Định		09			180	2.38			TB Khá
17	40.0023.K40A	NGÔ DUY HIẾU	111104111		07/05/84	Thái Bình		09			180	2.19			Trung Bình
18	40.0157.K40C	NGUYỄN TRUNG HIẾU	111104111		07/04/86	Thái Nguyên		10			180	2.75			Khá
19	40.0095.K40B	BÙI VĂN HOẠCH	111104111		08/01/86	Thái Bình		09			180	2.24			TB Khá
20	40.0094.K40B	NGUYỄN ĐÌNH HOÀNG	111104111		10/12/86	Thái Bình		09			180	2.40			TB Khá
21	40.0161.K40C	TRƯƠNG VĂN HOÀNG	111104111		17/07/86	Nam Định		09			180	2.36			TB Khá
22	40.0162.K40C	VŨ ĐỨC HOẰNG	111104111		14/11/86	Hải Dương		09			180	2.43			TB Khá
23	40.0163.K40C	DIỆM CÔNG HỒNG	111104111		10/03/86	Bắc Giang		09			180	2.22			TB Khá

Danh Sách Xét Đạt Tiêu Chuẩn

Trang 2

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	Ph	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTS	ĐT	Số hiệu bằng PT	VB	TCTG	TBTL	CCT	CCN	Xếp loại
24	40.0027.K40A	PHAN VĂN HỒNG	HỒNG		26/06/85	Hà Tĩnh		06			180	2.48			TB Khá
25	K39G379	LƯU ĐÌNH HỢP	HỢP		08/01/84	Nam Định		09			180	2.00			Trung Bình
26	40.0096.K40B	ĐỒNG VĂN HUẤN	HUẤN		23/07/86	Nam Định		09			180	2.63			Khá
27	40.0100.K40B	LÊ VĂN HÙNG	HÙNG		01/02/85	Thanh Hoá		09			180	2.43			TB Khá
28	40.0166.K40C	NGUYỄN HỮU HƯNG	HƯNG		23/04/85	Bắc Ninh		09			180	2.11			Trung Bình
29	40.0102.K40B	ĐỖ QUỐC KHÁNH	KHÁNH		16/09/86	Thái Nguyên		11			180	2.20			TB Khá
30	40.0029.K40A	NGUYỄN TRỌNG KHÁNH	KHÁNH		31/01/84	Hà Nội		11			180	2.53			Khá
31	40.0168.K40C	VŨ VĂN KHÁNH	KHÁNH		01/01/86	Thái Bình		09			180	2.52			Khá
32	K39E322	NGUYỄN XUÂN KHOA	KHOA		10/04/84	Thái Bình		09			180	2.16			Trung Bình
33	40.0103.K40B	VŨ VĂN LÂM	LÂM		16/01/85	Thái Nguyên		5A			180	2.33			TB Khá
34	40.0036.K40A	NGÔ VĂN NAM	NAM		26/06/85	Hà Nội		09			180	2.03			Trung Bình
35	40.0015.K40A	NGUYỄN THÁI NAM	NAM		12/12/85	Thái Nguyên		11			180	2.73			Khá
36	40.0107.K40B	NGUYỄN VĂN NAM	NAM		17/06/86	Thái Nguyên		09			180	2.42			TB Khá
37	40.0038.K40A	VŨ VĂN NAM	NAM		15/07/83	Thái Bình		04			180	2.32			TB Khá
38	40.0110.K40B	HOÀNG MINH NGỌC	NGỌC		03/10/86	Hà Nội		09			180	2.71			Khá
39	40.0039.K40A	LÊ DUY NGỌC	NGỌC		05/05/86	Bắc Giang		08			180	2.64			Khá
40	40.0041.K40A	PHAN VĂN NHẤT	NHẤT		26/06/87	Hà Nội		10			180	2.53			Khá
41	40.0042.K40A	VŨ NGỌC NINH	NINH		05/11/86	Thái Nguyên		10			180	2.42			TB Khá
42	40.0113.K40B	ĐỖ TIẾN QUANG	QUANG		13/05/86	Thái Nguyên		06			180	2.26			TB Khá
43	40.0114.K40B	NGUYỄN VĂN QUANG	QUANG		04/12/85	Bắc Giang		08			180	2.29			TB Khá
44	40.0116.K40B	TRƯƠNG VĂN QUYỀN	QUYỀN		21/08/86	Thanh Hoá		10			180	2.64			Khá
45	K39E338	DƯƠNG HẢI QUYẾT	QUYẾT		12/07/84	Bắc Giang		09			180	2.19			Trung Bình
46	40.0117.K40B	ĐẶNG NGỌC QUYẾT	QUYẾT		10/10/85	Bắc Giang		08			180	2.35			TB Khá
47	40.0118.K40B	NGUYỄN NGỌC SINH	SINH		19/10/86	Bắc Giang		06			180	2.38			TB Khá
48	40.0045.K40A	VŨ VĂN TẤT	TẤT		03/01/85	Nam Định		09			180	2.37			TB Khá
49	40.1195.K40V	NGUYỄN THỊ THẢO	THẢO	Nữ	01/08/85	Nam Định		09			180	2.46			TB Khá
50	40.0126.K40B	NGUYỄN TẤT THẮNG	THẮNG		08/09/86	Hưng Yên		09			180	2.56			Khá
51	40.0047.K40A	NGUYỄN ĐÌNH THI	THI		20/11/84	Thái Nguyên		09			180	2.53			Khá

Danh Sách Xét Đạt Tiêu Chuẩn

Trang 3

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Tên lớp	Ph	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTS	ĐT	Số hiệu bằng PT	VB	TCTG	TBTL	CCT	CCN	Xếp loại
52	40.0050.K40A	VŨ VĂN THỦY	111104111		10/02/84	Ninh Bình		09			180	2.50			Khá
53	40.0056.K40A	NGUYỄN VĂN TRUNG	111104111		12/11/85	Bắc Ninh		09			180	2.23			TB Khá
54	40.0057.K40A	BÙI XUÂN TRƯỜNG	111104111		17/03/86	Phú Thọ		10			180	2.24			TB Khá
55	40.0061.K40A	VŨ VĂN TUYỀN	111104111		30/03/86	Bắc Giang		08			180	2.64			Khá
56	40.0068.K40A	NGUYỄN TUẤN VINH	111104111		08/08/84	Thái Nguyên		11			180	2.19			Trung Bình

NGƯỜI LẬP

Ngày 21 tháng 06 năm 2009
PHÒNG ĐÀO TẠO